

Tuần 31, 13/08/2026

Áp lực bán ngay tại ngưỡng kháng cự 1,800

Tiêu điểm:

- Sáng ngày 13/8, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hùng chủ trì cuộc làm việc với NHNN và hệ thống các tổ chức tín dụng. Một số nội dung: Sẽ giảm “room” tín dụng năm 2027 đối với các ngân hàng không thực hiện đúng chỉ đạo; NHNN đánh giá mặt bằng lãi suất thời gian tới vẫn còn nhiều sức ép; chênh lệch tín dụng – huy động vẫn lớn.
- SCIC vừa ban hành kế hoạch cơ cấu lại vốn giai đoạn 2026–2030, trong đó đưa 66 doanh nghiệp vào diện triển khai bán toàn bộ vốn. Ngày 11/8, SCIC cũng điều chỉnh vốn điều lệ từ 19,000 tỷ đồng lên 50,000 tỷ đồng.
- Nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng mua ngoại tệ để chuyển lợi nhuận về nước, riêng 7 tháng đầu năm là 3.77 tỷ USD.

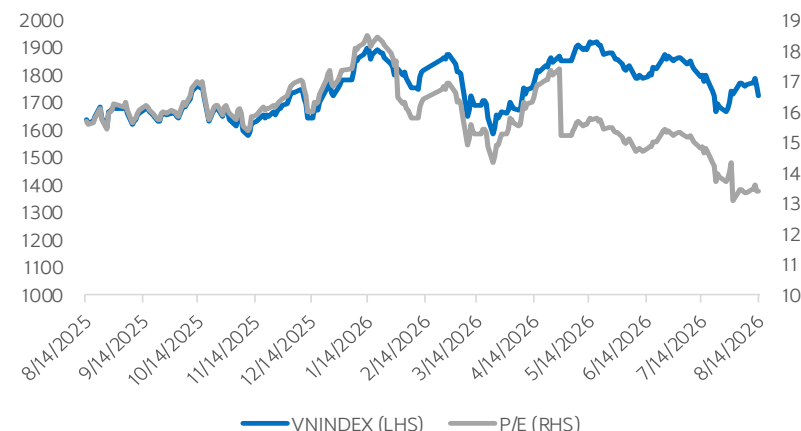
Đánh giá: Thị trường tiếp tục chịu áp lực bán khi nhóm ngân hàng chịu áp lực do khả năng siết room tín dụng nếu không chấp hành giảm lãi suất cho vay. Nhóm bất động sản cũng chịu áp lực khi cơ quan quản lý giữ lập trường duy trì kiểm soát khả năng tiếp cận tín dụng có chọn lọc hơn. Việc các tín hiệu về mua USD chủ động được thị trường đồn đoán nhưng chưa được đề cập cũng góp phần khiến thị trường điều chỉnh.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index kết tuần tại 1,729.08 điểm (-39.38 điểm, -2.2%) trên đồ thị tuần với thanh khoản thấp. Thị trường gặp áp lực điều chỉnh sau hai tuần phục hồi, tương ứng với vùng MA50 trên đồ thị ngày tại 1,800 điểm. Khả năng thị trường có thể hình thành đáy thứ hai tại vùng 1,700 điểm, dù vẫn còn sớm để xác định đâu là đáy. Như vậy, thị trường vẫn chưa lấy lại được xu hướng tăng trung hạn mà vẫn giao dịch đi ngang trong vùng 1,650–1,800 điểm.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh của thị trường để giải ngân từng phần, không nên mua mới ngắn hạn trong nhịp giảm, hạn chế sử dụng đòn bẩy (margin) để bắt đáy khi thị trường có thể hình thành đáy thứ hai.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi				Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B
VN-Index	1,729	-2.2	-4.3	-10.2	-3.1		13.4	2.0
Upcom Index	127	0.2	0.9	0.6	5.1		11.6	1.6
HNX Index	280	-4.6	-5.8	9.8	12.5		18.2	1.6
VN30 Index	1,877	-1.8	-3.6	-9.3	-7.6		11.2	2.0
S&P 500 Index	7,799	0.5	3.4	4.0	13.9		28.7	5.9
STOXX Europe 600 Index	659	-0.2	2.6	7.0	11.3		17.4	2.5
Hang Seng	25,120	-2.1	3.2	-4.8	-2.0		13.2	1.3
Nikkei 225	68,714	4.7	1.4	9.7	36.5		22.3	3.1
SHCOMP Index	3,927	-0.3	-1.0	-6.0	-1.0		1.5	9.369
STI Index	5,727	0.5	4.2	14.6	23.2		19.5	1.8
KOSPI Index	6,978	11.5	1.8	-12.6	65.6		18.7	1.9

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

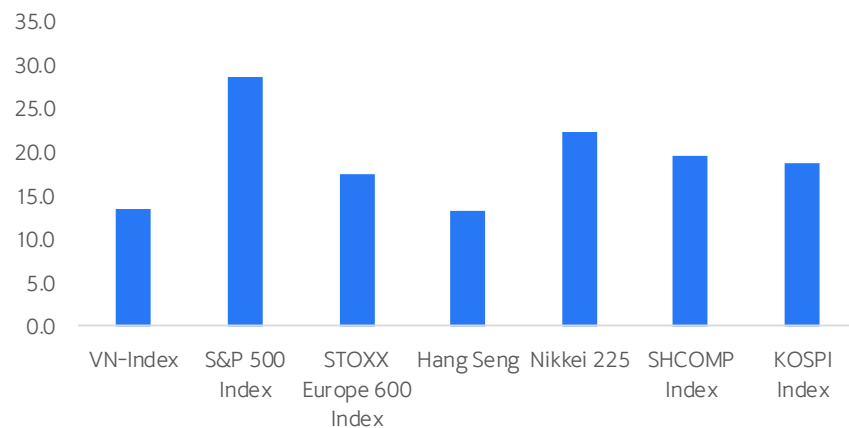
Theo vốn hóa và ngành



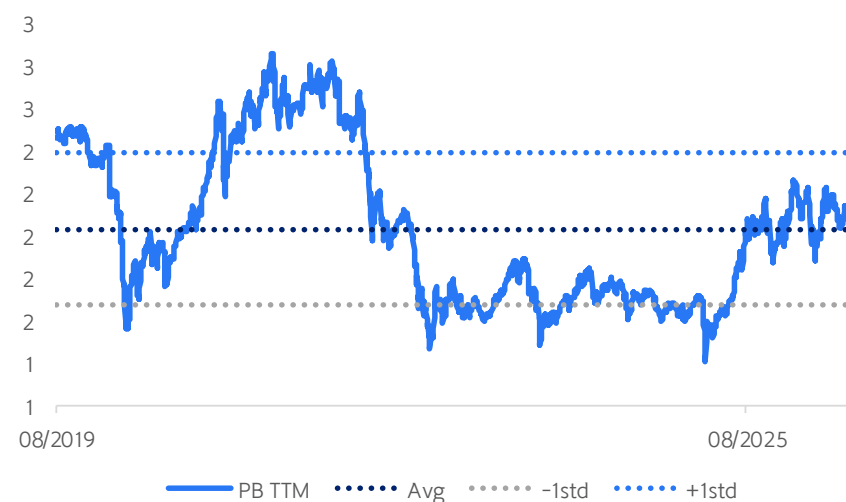
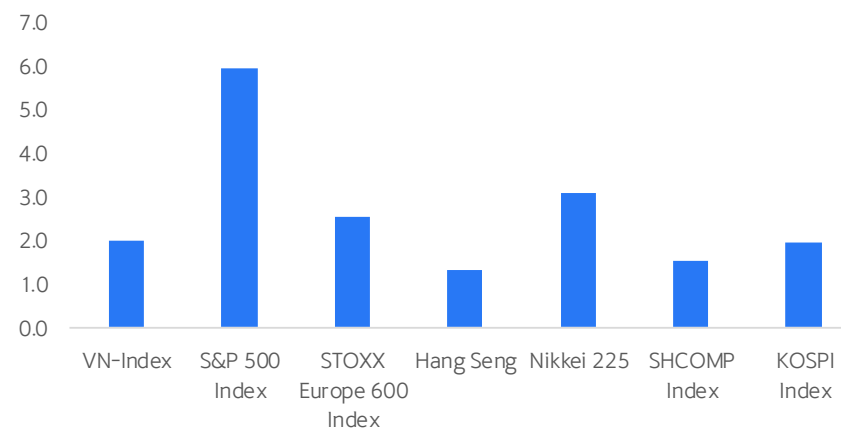
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.7	-2.4	-9.0	0.0	-4.6	-2.7	-4.9	-31.0	89.9	-0.5	14.9	2.3	7,634,499
Mid Cap	-0.7	-1.6	-7.7	-6.2	2.4	-2.4	-14.4	-46.8	9.4	0.6	10.3	1.2	533,875
Small Cap	0.0	-2.7	-11.2	-15.1	-14.1	-7.9	-7.0	-34.4	0.6	-0.1	10.3	0.6	74,662
Theo ngành													
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	3.1	0.4	-3.6	-12.0	-8.8	-8.0	-6.5	-39.5	3.2	-0.1	17.9	3.3	152,696
Hóa chất	2.2	1.1	-20.7	5.4	27.4	31.5	1.3	-55.7	2.5	0.6	14.4	1.7	200,793
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.5	-8.4	-31.4	-33.7	-61.5	-67.2	-39.1	-43.6	0.9	-1.4	7.3	1.0	36,932
Xây dựng và vật liệu	0.6	-2.5	-9.9	-11.4	-14.7	-15.6	-40.6	-65.0	2.3	-0.5	9.8	1.3	126,514
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.4	-3.7	-22.1	-18.1	19.3	26.9	16.2	-18.7	7.0	1.4	13.2	1.9	216,445
Thực phẩm và đồ uống	0.4	0.0	-2.3	-12.1	-5.5	-2.2	10.5	-32.2	6.2	-0.1	16.5	3.0	588,592
Tiện ích	0.3	-0.5	-12.3	0.1	15.7	14.8	-7.2	-46.0	1.9	0.3	13.0	1.9	326,209
Ô tô & Phụ tùng	-0.4	0.5	2.4	4.9	-20.1	-38.4	-39.1	-56.5	0.2	0.0	3.9	1.0	18,163
Tài chính	-0.9	-5.4	-10.3	-3.5	11.1	-5.7	-7.0	-30.7	13.9	1.9	15.3	1.8	471,487
Dược và Y tế	-1.0	0.1	-5.9	-11.2	-43.6	-5.0	1.5	-9.4	0.2	-0.2	16.6	1.9	35,726
Truyền thông	-1.3	-5.6	-17.1	-25.0	-12.2	-27.9	-52.9	-72.7	0.0	0.0	20.7	0.8	2,015
Ngân hàng	-2.0	-2.7	-6.8	-1.2	1.9	-2.1	-7.9	-27.8	29.2	1.7	9.1	1.5	2,534,787
Bảo hiểm	-2.4	7.0	-8.1	9.2	-6.9	33.4	18.8	-40.1	0.3	0.0	14.4	1.7	60,669
Dầu khí	-2.8	0.3	-23.1	30.9	26.7	36.5	4.0	-43.1	3.7	0.9	23.8	2.2	188,122
Tài nguyên cơ bản	-3.0	-2.8	-11.3	-10.1	-19.7	-27.2	-18.7	-52.3	3.6	-0.7	6.9	1.2	217,202
Công nghệ Thông tin	-3.4	1.0	-9.0	-27.6	-25.7	-26.4	-39.8	-54.6	2.8	-0.8	12.4	2.7	129,048
Du lịch và Giải trí	-3.6	-5.4	-8.7	-18.4	-7.0	6.2	-2.6	-23.2	1.7	-0.1	27.2	4.2	307,711
Bất động sản	-5.8	-6.8	-12.0	5.3	-16.6	1.1	3.9	-17.5	20.2	-3.1	31.2	3.4	2,461,645

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	245	1,566	4,019	-24,947
Indonesia	-30	9	97	-4,151
Nhật Bản*	-2,335	-2,335	4,722	57,731
Mayaysia	-108	-215	-141	-841
Hàn Quốc	2,084	-2,959	-9,202	-104,019
Sri Lanka	-9	-50	-57	-165
Đài Loan	4,374	4,686	-18,601	-38,962
Thái Lan	-28	-299	1,160	2,041
Việt Nam	-52	33	-412	-3,351

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,333	-27.2	-47.4	-120.8	-234.6
Nước ngoài	1,595	-29.5	-52.1	-109.8	-207.7
VanEck Vectors Vietnam ETF	506	0.0	-21.0	-28.3	-52.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	345	-0.6	-4.0	-37.5	-117.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	363	0.0	1.9	-3.3	5.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	176	-29.0	-29.0	-39.9	-42.1
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	-0.8	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	738	2.3	4.7	-11.0	-26.9
DCVFMVN Diamond ETF	425	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	229	-0.3	4.3	-3.8	-18.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	0.1	-0.8	-0.7	0.4
MAFN VN30 ETF	22	0.0	-1.1	-8.7	-11.5
SSIAM VNX50 ETF	8	2.3	2.0	2.0	1.9
VinaCapital VN100 ETF	25	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.2	0.4	0.3	0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

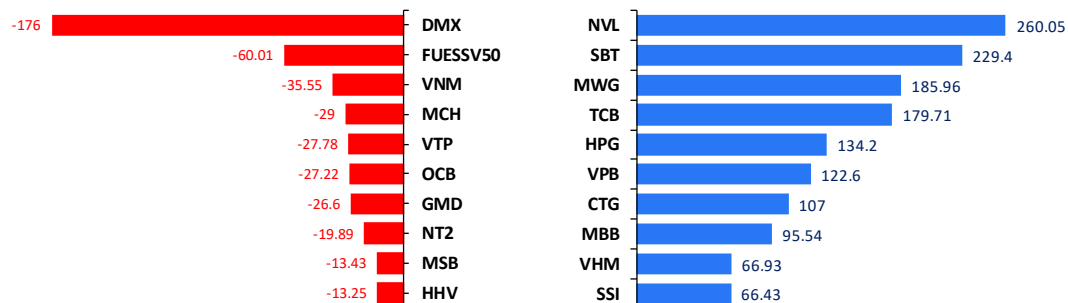
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

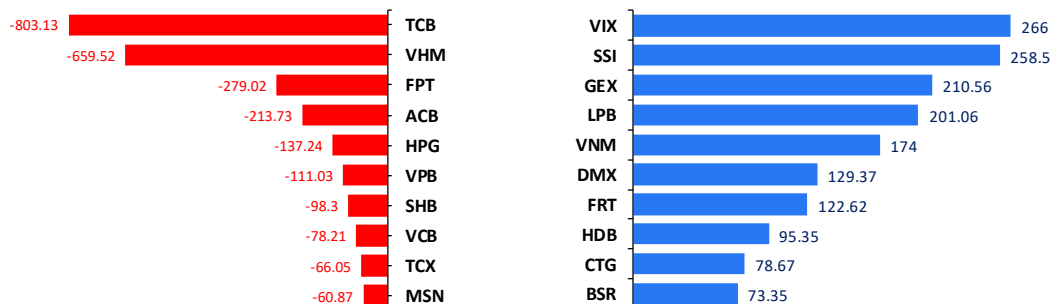
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

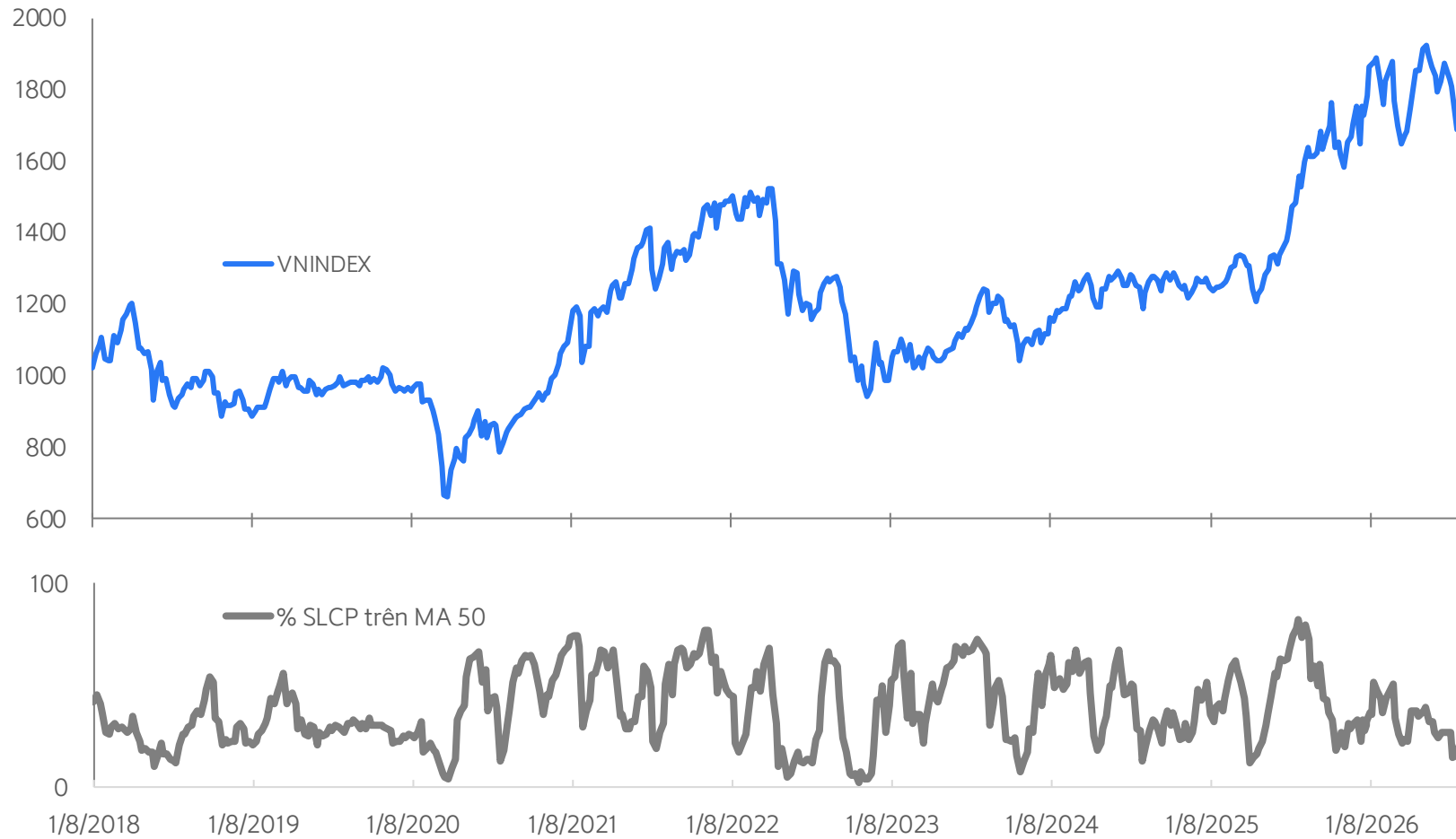
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	404	-911	230	681
Tài nguyên Cơ bản	123	-130	18	112
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-57	238	-101	-137
Y tế	0	-1	-12	12
Hóa chất	-1	-55	34	21
Dịch vụ tài chính	16	514	-547	32
Du lịch và Giải trí	20	-46	-41	87
Ngân hàng	726	-1,045	149	896
Xây dựng và Vật liệu	5	7	-6	-1
Thực phẩm và đồ uống	197	138	-519	381
Bán lẻ	173	177	-258	82
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-14	30	188	-218
Hàng cá nhân & Gia dụng	0	-5	-5	10
Công nghệ Thông tin	59	-280	122	158
Ô tô và phụ tùng	1	-12	5	7
Bảo hiểm	0	-9	0	9
Dầu khí	6	81	-56	-25
Tổng	1,660	-1,309	-798	2,107

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	41	Neutral	Weak	DXG	55	Strong	Neutral	BVH	56	Neutral	Weak	HPG	39	Neutral	Weak	GEX	48	Strong	Weak
MBB	53	Strong	Neutral	NVL	51	Neutral	Neutral	BMI	45	Too hot	Strong	NKG	40	Neutral	Weak	VSC	45	Strong	Weak
HDB	51	Neutral	Neutral	DIG	45	Neutral	Weak	BIC	43	Strong	Strong	HSG	39	Neutral	Weak	PVT	62	Too hot	Strong
VPB	44	Neutral	Weak	VRE	42	Neutral	Weak	VIX	44	Neutral	Weak	SMC	45	Neutral	Neutral	GMD	60	Strong	Strong
MSB	56	Neutral	Neutral	PDR	38	Neutral	Weak	SSI	48	Neutral	Weak	CII	43	Neutral	Weak	HAH	42	Neutral	Weak
TCB	60	Strong	Neutral	VIC	38	Weak	Weak	VND	42	Neutral	Weak	HHV	44	Neutral	Weak	GEE	40	Neutral	Weak
EIB	33	Weak	Weak	KDH	38	Neutral	Weak	VCI	49	Strong	Weak	VCG	40	Neutral	Weak	VOS	47	Neutral	Weak
ACB	45	Neutral	Neutral	VHM	42	Weak	Weak	HCM	49	Neutral	Neutral	PCI	43	Neutral	Neutral	APH	73	Too hot	Strong
TPB	41	Neutral	Weak	TCH	42	Neutral	Weak	TCX	41	Neutral	Weak	FCN	53	Strong	Neutral	VTP	47	Neutral	Neutral
STB	49	Neutral	Neutral	KBC	34	Neutral	Weak	ORS	49	Neutral	Neutral	VGC	53	Strong	Neutral	SBG	58	Strong	Strong
CTG	47	Neutral	Weak	HDG	36	Neutral	Weak	VDS	38	Neutral	Weak	DPG	48	Strong	Weak	REE	42	Neutral	Weak
VIB	38	Neutral	Weak	HDC	40	Neutral	Weak	FTS	43	Neutral	Weak	CTD	46	Strong	Weak	PAC	35	Neutral	Weak
SSB	39	Neutral	Neutral	NLG	48	Strong	Weak	CTS	45	Neutral	Weak	CTR	58	Strong	Neutral	TV2	45	Neutral	Weak
VCB	48	Neutral	Neutral	DXS	44	Neutral	Weak	BSI	40	Neutral	Weak	HT1	52	Strong	Neutral	TCM	29	Neutral	Weak
NAB	35	Weak	Weak	NTL	23	Weak	Weak	TCI	39	Neutral	Weak	CTI	45	Neutral	Neutral	TLG	65	Strong	Strong
OCB	62	Strong	Neutral	SIP	52	Neutral	Neutral	TVB	48	Neutral	Neutral	BMP	45	Neutral	Neutral	PNJ	41	Strong	Weak
BID	47	Neutral	Weak	SZC	48	Strong	Weak	DSE	46	Neutral	Neutral					MSH	38	Neutral	Weak
LPB	48	Neutral	Neutral	BCM	54	Too hot	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	46	Neutral	Neutral	PVD	44	Neutral	Weak	MSN	44	Neutral	Weak	YEG	47	Neutral	Neutral	VPL	31	Weak	Weak
SAM	50	Neutral	Neutral	BSR	49	Neutral	Neutral	VNM	61	Neutral	Strong	DCL	46	Neutral	Neutral	VJC	36	Neutral	Weak
ELC	41	Neutral	Weak	PLX	49	Neutral	Weak	DBC	38	Neutral	Weak	DBD	44	Neutral	Neutral	HAV	50	Neutral	Neutral
CMG	37	Neutral	Weak	POW	41	Neutral	Weak	BAF	68	Strong	Strong	TNH	53	Neutral	Neutral	SCS	46	Neutral	Weak
MWG	48	Neutral	Weak	NT2	45	Neutral	Weak	SAB	47	Neutral	Weak	JVC	37	Neutral	Weak	VNG	57	Strong	Strong
DGW	62	Too hot	Strong	GAS	54	Strong	Neutral	ANV	40	Neutral	Weak					HAX	50	Neutral	Neutral
PET	58	Strong	Strong	GEG	48	Neutral	Weak	VHC	50	Neutral	Weak					DRC	41	Neutral	Weak
FRT	70	Too hot	Strong	PPC	57	Neutral	Neutral	MCH	50	Neutral	Neutral								

Danh sách theo dõi tiềm năng						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	HPG	21.25	NA	23.5	NA	Kỳ vọng KQKD 1H tăng trưởng ấn tượng. Cổ phiếu hưởng nền hỗ trợ phù hợp với chiến lược mua tích lũy với tỷ trọng nhỏ hơn là giao dịch ngắn hạn
2	REE	45.9	NA	NA	NA	Triển vọng đầu tư dài hạn ổn định với kế hoạch phát triển điện tái tạo cụ thể là điện gió ngoài khơi. Hiện tượng thời tiết El nino cũng góp phần khiến REE chiết khấu sâu. Định giá hấp dẫn phù hợp với chiến lược đầu tư dài hạn
2	NVL	13.25	NA	13	NA	Xu hướng giá mạnh hơn so với thị trường và nhóm ngành bất động sản. KQKD 1H2026 tăng trưởng mạnh mẽ khi cùng kỳ đang lỗ. Kỳ vọng mở bán mới Aqua city có thể tạo tâm lý tích cực cho cổ phiếu

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	GTA	Tài nguyên Cơ bản	7.14 - 10.55	7.2	-12.8%
2	PTC	Xây dựng và Vật liệu	5.45 - 8.73	5.6	-11.6%
3	ST8	Công nghệ Thông tin	2.28 - 7.12	2.3	-10.9%
4	VPS	Hóa chất	8.10 - 13.30	8.3	-9.8%
5	BFC	Hóa chất	39.85 - 77.90	48.2	-8.9%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
21.9%	15.9	11.90 - 16.90	Xây dựng và Vật liệu	LM8
21.1%	1.8	1.43 - 3.64	Bất động sản	DRH
21.0%	49.2	38.00 - 63.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CLW
13.0%	17.0	14.05 - 18.30	Xây dựng và Vật liệu	SC5
11.5%	43.1	33.90 - 83.70	Bất động sản	BCM

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SMT	Công nghệ Thông tin	7.60 - 17.40	8.5	-23.4%
2	SHN	Tài nguyên Cơ bản	3.20 - 11.40	7.2	-16.3%
3	THD	Bất động sản	25.40 - 220.00	138.0	-15.5%
4	TKU	Tài nguyên Cơ bản	10.00 - 16.40	11.0	-15.4%
5	PJC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	23.80 - 42.50	32.4	-14.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
33.9%	75.0	47.90 - 77.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BTW
33.1%	20.9	15.70 - 34.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PTX
27.2%	95.0	61.10 - 167.00	Thực phẩm và đồ uống	HHC
22.8%	11.3	7.80 - 15.10	Thực phẩm và đồ uống	VDL
20.7%	3.5	1.70 - 4.40	Xây dựng và Vật liệu	SVN

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NWT	Du lịch và Giải trí	3.80 - 7.00	3.8	-39.7%
2	VHH	Xây dựng và Vật liệu	2.00 - 4.80	3.1	-35.4%
3	MEC	Xây dựng và Vật liệu	1.20 - 4.30	1.2	-25.0%
4	EFI	Tiêu dùng không thiết yếu	1.60 - 4.20	2.5	-21.9%
5	VBT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.10 - 18.40	3.1	-20.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
38.3%	6.5	4.70 - 13.20	Tài nguyên Cơ bản	HMG
37.5%	4.4	1.70 - 4.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SAL
36.2%	135.5	22.40 - 135.50	Xây dựng và Vật liệu	TVH
34.3%	27.0	17.50 - 30.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	DNA
25.5%	80.6	58.40 - 102.40	Tài nguyên Cơ bản	GVT

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	NTC	KCN Nam Tân Uyên	Bất động sản	2,377.2	414.2	128.0	3.65 - 5.73	7.3
2	SZL	Sonadezi Long Thành	Bất động sản	1,406.3	285.2	50.6	42.00 - 54.80	5.4
3	HPA	Phát triển nông nghiệp Hòa Phát	Thực phẩm và đồ uống	2,525.8	259.2	29.0	28.55 - 45.00	-7.5
4	LHG	KCN Long Hậu	Bất động sản	5,483.9	203.3	28.5	26.60 - 34.90	1.8
5	BCM	Becamex IDC	Bất động sản	62,655.5	199.0	43.1	33.90 - 83.70	11.5
6	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	8,147.7	166.6	80.5	64.70 - 86.70	7.5
7	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	36,933.8	124.3	54.4	50.70 - 69.90	5.8
8	HHP	Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	Tài nguyên Cơ bản	27,855.4	124.1	15.4	8.70 - 17.50	0.0
9	KSB	Khoáng sản Bình Dương	Tài nguyên Cơ bản	19,312.0	120.5	13.8	12.70 - 22.45	4.2
10	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	10,807.9	119.1	51.8	45.30 - 63.45	6.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

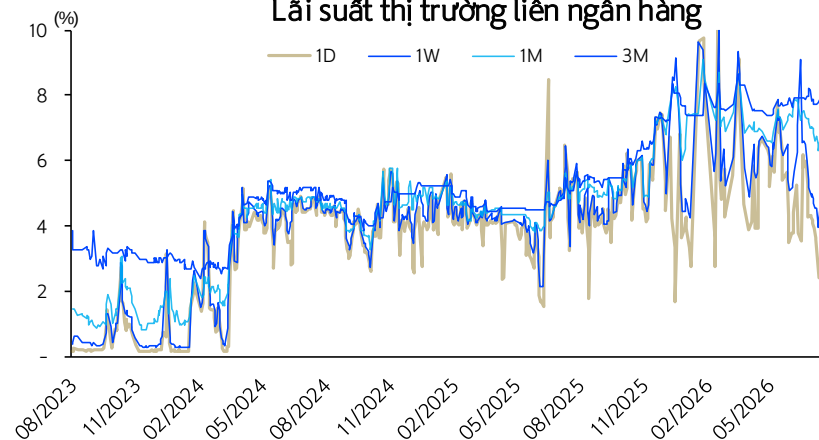
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.77	0.2	-1.1	1.0	1.5	
VND/USD	26,133	-0.3	-0.5	-0.8	-0.6	
KRW/USD	1,414.45	0.3	-5.1	-5.2	-1.8	
JPY/USD	159.19	0.9	-1.9	0.5	1.6	
EUR/USD	0.87	0.1	-1.2	1.0	1.7	
SGD/USD	1.28	0.1	-0.9	0.3	-0.5	
CNY/USD	6.74	0.0	-0.4	-0.7	-3.5	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	82.84	6.0	4.4	-18.1	44.3	
Xăng	314.83	5.5	-2.4	-12.7	84.6	
Gas	2.75	3.3	-5.3	-5.0	-25.4	
Than	129.40	0.9	0.5	-1.3	20.4	
Vàng	4,343.19	0.0	7.2	-6.6	0.6	
Bạc	64.61	1.6	10.1	-22.7	-9.8	
Platinum	1,727.81	-1.3	5.9	-16.2	-16.1	
Quặng sắt	95.05	-0.2	-3.3	-14.6	-11.3	
Thép cán	3,253.00	0.3	-1.1	-6.5	-0.5	
Lúa mì	664.75	3.9	5.3	2.7	31.1	
Ngô	453.50	3.3	4.6	0.4	3.0	

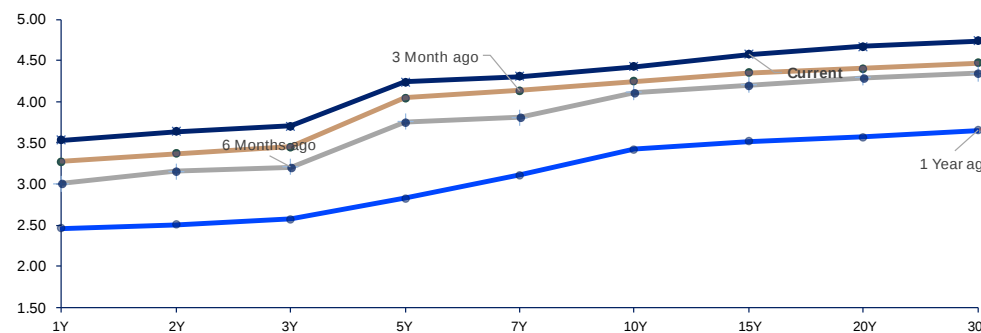
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.53	3.63	3.70	4.24	4.30	4.42	4.57	4.35	4.20
Thay đổi (WoW)	1.20	1.20	1.20	1.40	1.00	0.90	0.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.